TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **17**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: **19/8/2023**
"Về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Phương Thuận và ông Nguyễn Trọng Vần

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXX ngày 04/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Khu Thống Nhất, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở: 8/1/142 Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Khu Thống Nhất, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

(Chị Hà vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Tuấn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Hà trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/5/2012. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại thôn Nghĩa, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đến năm 2015 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tính cách khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi, chửi nhau. Ngoài ra, nguyên nhân chính là do anh T đi lao động ở nước ngoài, không chung thủy, có quan hệ không lành mạnh dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình, khi chị biết đã khuyên giải nhưng anh T không thay đổi khiến chị bị áp lực tinh thần, vợ chồng không có hạnh phúc, vì thương các con nên chị đã cố gắng chịu đựng trong suốt thời gian 9 năm ở nhà chờ chồng, nuôi các con một mình để anh T đi làm ăn nhưng anh T không gửi tiền về cho chị mà chỉ gửi về cho mẹ của anh T. Xuất phát từ nhiều nguyên nhân mà vợ chồng thường xuyên cãi nhau trên điện thoại mỗi khi anh gọi về nhà cho chị, tình trạng này diễn ra kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không quan tâm gì đến nhau. Đến cuối năm 2022 khi anh T về nước nhưng có nhiều lời nói, hành động làm chị coi thường và kinh sợ nên chị quyết định đưa các con lên thành phố Hải Dương sinh sống và làm việc và vợ chồng mỗi người sống một nơi từ đó. Tháng 1/2023 chị làm đơn ly hôn anh T nhưng vì anh T mong muốn được đoàn tụ vợ chồng nên chị đã rút đơn ly hôn, tạo cơ hội cho anh T thay đổi. Tuy nhiên, kể từ khi chị rút đơn ly hôn, vợ chồng vẫn sống ly thân mỗi người một nơi, anh T không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng, không đi làm gì chỉ ở nhà chơi dài. Trong suốt thời gian mẹ con chị sống trên thành phố Hải Dương, anh T không ỏ ê, quan tâm gì đến mẹ con chị sinh sống ở đâu, cuộc sống như thế nào. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, không thể tiếp tục tồn tại cuộc hôn nhân vô bổ thêm được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T để mẹ con chị được ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 06/02/2013 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/10/2018. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng, đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng 01 con là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/10/2018; anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng 01 con là Nguyễn Nam P, sinh ngày 06/02/2013. Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản là thửa đất tại Khu đô thị Star Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương và ngôi nhà 3 tầng xây dựng trên thửa đất mang tên bố mẹ anh T là ông Nguyễn Sỹ Hạnh và bà Lê Thị Hằng, chị xác định nguồn tiền mua thửa đất này cũng là của vợ chồng, khi mua bố mẹ anh T đứng tên. Chị có nguyện vọng để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu vợ chồng không thỏa thuận được, chị sẽ yêu cầu giải quyết về tài sản ở vụ án Dân sự khác. Về tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu

Tòa án xem xét giải giải quyết. Về án phí: Chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Về quan hệ vợ chồng: Anh với chị Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu nhau thời gian 03 tháng và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng vào ngày 09/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống không có mâu thuẫn gì. Anh có đi lao động nước ngoài nhiều lần, khoảng 6-7 năm, khi đi khi về; đến cuối năm 2022 anh về nước hẳn, không có ý định đi lao động nữa thì chị H lại đưa con lên thành phố Hải Dương sinh sống từ đó cho đến nay. Đầu năm 2023 chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh lần thứ nhất, sau đó chị H lại rút đơn ly hôn với anh. Nay, anh xác định, mặc dù vợ chồng đã ly thân nhau nhiều năm do anh đi làm ăn ở nước ngoài và từ khi anh về nước đến nay vợ chồng ly thân 01 năm nhưng anh mong chị H nghĩ lại quay về để cho các con đỡ khổ. Nếu chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh, cương quyết xin ly hôn thì anh phải chịu và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 06/02/2013 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/10/2018. Trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng anh. Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng có tài sản là thửa đất tại Khu đô thị Star Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nhưng anh có nguyện vọng để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Về tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh xác định vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngoài những vấn đề trên, anh xác định không có yêu cầu phản tố đối với nội dung khởi kiện của chị H và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng (mẹ chị H) trình bày: Chị H, anh T là vợ chồng hợp pháp, lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/5/2012. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng anh chị H-T thường xuyên cãi nhau, chị H có tâm sự với bà cuộc sống vợ chồng chị H không hạnh phúc vì anh T đi lao động nước ngoài suốt khoảng 9 năm, trong thời gian này anh T có về nước vài lần (mỗi lần về thời gian ngắn), chị H đã động viên anh T ở nhà để vợ chồng cùng nhau làm ăn nuôi dạy các con nhưng anh T cố tình đi. Vì vậy, mỗi lần anh T điện thoại về là vợ chồng lại cãi nhau trên điện thoại, đến năm 2022 anh T về Việt Nam thì

vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, không hạnh phúc nên chị H đưa các con nhỏ lên thành phố Hải Dương đi học và sinh sống từ đó cho đến nay. Bà được biết đầu năm 2023 chị H đã gửi đơn xin ly hôn anh T nhưng hai bên gia đình thông gia đã động viên chị H rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi con nhưng kể từ khi chị H rút đơn ly hôn anh T thì anh chị cũng không về chung sống với nhau, vẫn ly thân mỗi người sống một nơi. Anh T cũng không đón mẹ con chị H về sống chung mà chị H cũng không về đoàn tụ vợ chồng với anh T. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T, với tư cách là bố mẹ đã khuyên giải các con nhiều lần nhưng quyền quyết định ly hôn là do các con, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật để các con bà được ổn định tinh thần, an tâm làm ăn để đảm bảo cuộc sống của các con. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 06/02/2013 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/10/2018. Hiện nay chị H nuôi 01 con, anh T nuôi một con. Về tài sản chung: Bà được biết vợ chồng chị H, anh Tuấn có tài sản chung là thửa đất tại Khu Công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương và ngôi nhà 3 tầng xây dựng trên thửa đất mang tên bố mẹ anh T, địa chỉ tại khu thống Nhất, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (hiện anh T đang ở). Thời điểm vợ chồng anh chị T-H xây dựng ngôi nhà thì vợ chồng bà có cho anh chị 100 triệu và ông bà thông gia (bố mẹ anh T) cũng cho các con số tiền 100 triệu. Ngoài ra, bà không cung cấp gì và không đề nghị gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng (mẹ anh T) trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Ngọc T, chị H là con dâu của bà, các con của bà lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng các con sống hạnh phúc cùng nhà với vợ chồng bà được khoảng 02 năm thì vợ chồng bà xây nhà cho các con ở riêng, thửa đất tại Khu Thống Nhất, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng là tài sản chung của vợ chồng bà. Khi các con ở riêng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sau khi cưới chị H có bầu 4 tháng thì anh T đi lao động nước ngoài đến khi con được 01 tuổi thì anh T về nước (2014). Sau đó đến anh T lại đi tiếp đến đầu năm 2018 về nước và ở Việt Nam đến khi con nhỏ được gần 02 tuổi thì lại đi lao động đến cuối năm 2022 anh T về nước hẳn thì chị H không ở nhà với anh T mà đưa con lên thành phố Hải Dương sinh sống và đi học nên vợ chồng không quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Vợ chồng bà nhiều lần khuyên bảo chị H về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị H cương quyết không về và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn lần với anh T này là lần thứ 2. Nay, bà xác định tình cảm và hạnh phúc của các con thì các con tự quyết định, ông bà không muốn các con ly hôn, mong muốn các con đoàn tụ

vợ chồng cho các cháu đỡ khổ nhưng nếu chị H dứt áo mang con đi ở riêng và ly thân anh T được 01 năm nay cả hai vợ chồng không quan đến nhau, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật cho các con sớm ổn định cuộc sống. Bà xác định vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung hiện nay chị H nuôi con nhỏ, anh T nuôi con lớn. Nếu Tòa án căn cứ các qui định của pháp luật, trường hợp cho chị H, anh T ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết cho mỗi con nuôi 01 cháu như hiện nay. Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng chị H và anh T có tài sản là thửa đất tại Khu đô thị Star Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mang tên cả hai vợ chồng, quyền các con có đề nghị Tòa án giải quyết hay không thì tùy các con. Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

Theo biên bản xác minh tại UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, chính quyền địa phương từ khu dân cư đến thị trấn cung cấp thông tin: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc T là công dân của Khu dân cư Thống Nhất, thị trấn Lai Cách, anh chị lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách vào năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Thôn Nghĩa, thị trấn Lai Cách, đến khoảng năm 2014-2015 anh chị về sinh sống tại khu Thống Nhất, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng. Thời gian đầu thì không có mâu thuẫn gì xảy ra nhưng anh T thường xuyên không có mặt tại khu dân cư, chính quyền địa phương tại khu dân cư được biết anh T đi làm ăn xa, ở nhà chỉ có mình chị H nuôi 02 con nhỏ. Tuy nhiên từ cuối năm 2022, anh T về gia đình sinh sống tại khu dân cư thì chị H lại đưa 01 con lên địa bàn thành phố Hải Dương sinh sống, học tập. Anh T cùng 01 con lớn đang sinh sống tại khu Thống Nhất. Vào tháng 01/2023 chị H đã gửi đơn xin ly hôn anh T lần thứ nhất nhưng sau đó được Tòa án và gia đình hai bên động viên, chị H thương con rút đơn ly hôn với anh T. Nhưng sau khi rút đơn ly hôn thì vợ chồng không về chung sống cùng nhà, đến khoảng tháng 6/2023 chị H gửi đơn ly hôn anh T được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý giải quyết nhưng anh T không có mặt tại Trụ sở Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Tòa án cùng đại diện lãnh đạo khu dân cư phối hợp xuống nhà anh T làm việc, anh T đã nhận thông báo thụ lý vụ án và toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vẫn không có mặt tại Tại trụ sở Tòa án, lãnh đạo Khu dân cư được biết hàng ngày bố con anh T sinh hoạt cùng nhà với bố mẹ anh Tuấn ở thôn Nghĩa, thị trấn Lai Cách, tối muộn bố con anh T mới về nhà tại Khu Thống nhất để ngủ. Nay anh chị đã sống ly thân nhau khoảng 01 năm nay, nếu các anh chị xác định không còn tình cảm vợ chồng thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật để cả hai sớm được ổn định cuộc sống, yên

tâm nuôi các con ăn học. Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung, hiện nay mỗi người nuôi dưỡng 01 con nuôi. Ngoài ra không cung cấp thông tin gì và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, giữ nguyên nội dung khởi kiện và quan điểm đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn có mặt tại phiên tòa và có quan điểm: Trường hợp chị H cương quyết đề nghị được ly hôn, HĐXX căn cứ các qui định của pháp luật giải quyết cho chị H được ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng anh. Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Ngọc T; Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/10/2018; giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con là Nguyễn Nam P, sinh ngày 06/02/2013; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau, không chấp nhận yêu cầu của anh T

đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T hiện cư trú tại khu dân cư Thống Nhất, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều được Tòa án tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng hợp lệ, chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh T có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/5/2012. Do vậy, xác định quan hệ của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đỉnh điểm vào cuối năm 2022, chị H đã đưa con đi thuê nhà ở riêng tại địa bàn thành phố Hải Dương, còn anh T cư trú tại thị trấn Lai Cách, sau đó chị H gửi đơn xin ly hôn anh T lần thứ nhất, được hai bên gia đình động viên vợ chồng về đoàn tụ với mục đích cho các con đỡ khổ, chị H đã rút đơn ly hôn với mong muốn tạo cơ hội cho anh T thay đổi, khắc phục mâu thuẫn và cải thiện tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, kể từ khi chị H rút đơn ly hôn vào tháng 01/2023 cho đến nay, vợ chồng vẫn sống ly thân mỗi người một nơi như trước đó, chị H không có ý định đoàn tụ vợ chồng với anh T, anh Tuấn không tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, không cải thiện được tình cảm vợ chồng với chị H trong suốt thời gian kéo dài gần 01 năm nay. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị H và anh T không thực hiện được các nghĩa vụ trên nên cần xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Xác định vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Nam P, sinh ngày 06/02/2013 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày

30/10/2018. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, vợ chồng chị H và anh T có 02 con chung và cả nguyên đơn, bị đơn đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng. Mặt khác, hiện nay mỗi người đã và đang nuôi dưỡng một con, đều đảm bảo tốt cuộc sống của các con. Nên HĐXX xét giao cho chị H và anh T tiếp tục mỗi người nuôi dưỡng một con như hiện nay là phù hợp với thực tế và phù hợp quy định của pháp luật.

Việc anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng anh. HĐXX xét thấy, mặc dù anh T có đi lao động nước ngoài đã về Việt Nam được gần 01 năm nay nhưng anh không có công việc làm, không có thu nhập ổn định nên yêu cầu của anh T về việc trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi các con cùng anh là không đảm bảo cuộc sống cho các con, không phù hợp qui định nên HĐXX không chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Chị H và anh T đều xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Chị H và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Xử giao con là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/10/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con là Nguyễn Nam P, sinh ngày 06/02/2013 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con tròn 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2020/0002425 ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi Cục thi hành án DS huyện Cẩm Giàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng (Kết hôn ngày 09/5/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án..

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Trương Thị Tố Uyên